

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
Năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN
- Tên tiếng Anh: Saigon Ground Services Joint Stock Company
- Tên viết tắt: SAGS

- Logo:



- Vốn điều lệ đăng ký: 239.959.520.000 đồng
- **Vốn điều lệ thực góp: 239.959.520.000 đồng**
- Trụ sở chính: 58 Trường Sơn, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Địa chỉ giao dịch: Lầu 2 Tòa nhà Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường 02, Quận Tân Bình, TP.HCM.
- Điện thoại: (08) 354749999 Fax: (08) 35470999
- Website: www.sags.vn
- Người đại diện theo Pháp luật của công ty: Ông Nguyễn Đình Hùng
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc.
- Mã cổ phiếu: SGN
- Giấy CNĐKKD: 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM cấp lần đầu ngày 06/01/2014, cấp thay đổi lần thứ năm vào ngày 27 tháng 07 năm 2017.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 3005/QĐ-CHK ngày 30/12/2004 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, chuyển đổi từ Trung tâm dịch vụ Hàng không thành Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn, một đơn vị thành viên thuộc Cụm Cảng Hàng không miền Nam. Chức năng chính của Công ty là cung cấp các loại hình dịch vụ phục vụ mặt đất theo tiêu chuẩn của Hiệp hội vận tải Hàng không quốc tế (IATA) và của các hãng Hàng không.

- Năm 2008, thực hiện cơ chế đổi mới quản lý lần thứ nhất; Cụm Cảng Hàng không miền Nam chuyển đổi từ đơn vị quản lý nhà nước sang mô hình Tổng công ty nhà nước, Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn được thành lập lại theo Quyết



định số 002/QĐ-TCTCHKMN ngày 16/5/2008 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Tổng công ty.

– Năm 2010, thực hiện cơ chế đổi mới quản lý lần thứ hai, Công ty được thành lập lại theo Quyết định số 55/QĐ-TCTCHKMN ngày 15/09/2010 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam, là đơn vị hạch toán phụ thuộc trực thuộc Công ty mẹ - Tổng Công ty Cảng Hàng không Miền Nam.

– Năm 2012, thực hiện chủ trương, chính sách đổi mới cơ chế quản lý của Nhà nước và Bộ Giao thông Vận tải; Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam (ACV) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 Tổng công ty Cảng Hàng không miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn là đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam được thành lập lại theo Quyết định số 138/QĐ-HĐTV, ngày 24/04/2012 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam; chịu sự quản lý, điều hành trực tiếp và toàn diện của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam.

– Ngày 23/08/2013, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2524/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thực hiện cổ phần hóa, trong đó có Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn, trong Quyết định yêu cầu Hội đồng thành viên ACV thực hiện các thủ tục chuyển đổi Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành Công ty TNHH MTV đồng thời với việc thực hiện cổ phần hóa theo quy định hiện hành.

– Năm 2013, Quyết định số 530/QĐ-HĐTV ngày 30/10/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam, quyết định chuyển Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

– Ngày 06/01/2014, Công ty TNHH một thành viên Phục vụ Mặt đất Sài Gòn chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312610240 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

– Ngày 30/10/2014, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.

– Ngày 22/12/2014, Bộ Giao thông Vận tải đã có Quyết định số 4851/QĐ-BGTVT về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần.

– Ngày 31/12/2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015 với tên gọi: Công ty Cổ

phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

STT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
1	Khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của Cảng Hàng không, sân bay;
2	Cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị Hàng không và trang thiết bị kỹ thuật khác;
3	Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
4	Cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa, dịch vụ thương mại;
5	Dịch vụ đại lý cho các hãng Hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành Hàng không;
6	Cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ máy bay tại các cảng Hàng không, sân bay và các dịch vụ Hàng không;

Sản phẩm, dịch vụ chính:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm 02 mảng chính: Dịch vụ Hàng không và dịch vụ hỗ trợ.

3.1. Dịch vụ Hàng không:

3.1.1. Dịch vụ thủ tục Hàng không: Gồm các loại hình phục vụ hành khách tại nhà ga quốc nội và nhà ga quốc tế Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất:

- Dịch vụ thủ tục Hàng không cho khách đi, đến và chuyển tiếp.
- Dịch vụ thu tiền hành lý quá cước và bán vé giờ chót tại sân bay
- Dịch vụ kiểm soát, hướng dẫn hành khách tại cửa khởi hành.

3.1.2. Dịch vụ hành lý:

- Dịch vụ hành lý đi, đến và chuyển tiếp.
- Dịch vụ hành lý thất lạc.

3.1.3. Dịch vụ kỹ thuật sân đỗ máy bay: Gồm dịch vụ tại khu vực sân đỗ máy bay Cảng Hàng không Tân Sơn Nhất:

- Dịch vụ bốc dỡ, chất xếp và vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện từ máy bay đến nhà ga hành khách/hàng hóa bằng trang thiết bị chuyên dùng.
- Dịch vụ điều phối chuyển bay.

- Dịch vụ cân bằng trọng tải chuyến bay.
- Dịch vụ hướng dẫn chất xếp chuyến bay.
- Dịch vụ chuyên chở hành khách, tổ bay từ máy bay đến nhà ga.

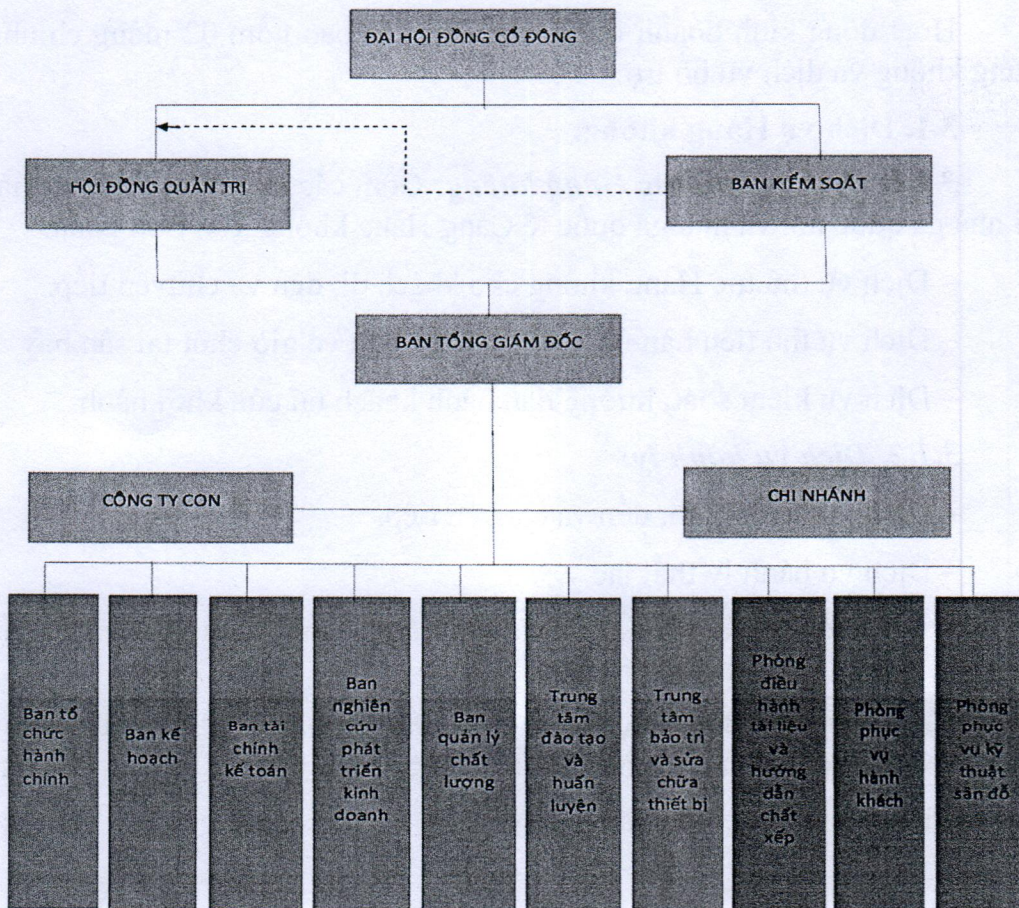
3.2. Dịch vụ phi Hàng không:

- Dịch vụ huấn luyện, đào tạo chuyên ngành.
- Dịch vụ phục vụ khách VIP, F, C.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị chuyên ngành.
- Dịch vụ công nghệ thông tin chuyên ngành.
- Dịch vụ phi Hàng không khác.

Địa bàn kinh doanh: Văn phòng Công ty tại Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; Chi nhánh tại Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng; Công ty con tại Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN PHỤC VỤ MẶT ĐẤT SÀI GÒN



4.1. Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

4.2. Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 5 thành viên:

BẢNG 1: DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Lưu Quang Lãm	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên HĐQT
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (*)
	Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT (**)

(*) Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018

(**) Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018.

4.3. Ban Kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn gồm 3 thành viên:

BẢNG 2: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng Ban Kiểm soát (*)
	Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát (**)
2	Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Phạm Phương Linh	Thành viên Ban Kiểm soát (*)
	Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên Ban Kiểm soát (**)

(*) Miễn nhiệm từ ngày 19/04/2018

(**) Bổ nhiệm từ ngày 19/04/2018.

4.4. Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của công ty cổ phần và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của công ty cổ phần.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn gồm 4 thành viên:

BẢNG 3: DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phùng Danh Nguyên.

4.5. Các phòng ban, đơn vị sản xuất:

Các phòng, ban đơn vị sản xuất thực hiện chức năng tham mưu, quản lý và trực tiếp sản xuất theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc. Các phòng ban, đơn vị sản

xuất được chia thành 02 khối: Khối phòng ban chức năng và Khối sản xuất trực tiếp.

4.5.1. Khối phòng ban chức năng gồm:

- Ban tổ chức hành chính.
- Ban kế hoạch.
- Ban tài chính kế toán.
- Ban quản lý chất lượng.
- Ban nghiên cứu phát triển kinh doanh.
- Trung tâm đào tạo và huấn luyện.

4.5.2. Khối sản xuất gồm:

- Phòng điều hành, tài liệu và hướng dẫn chất xếp
- Phòng phục vụ hành khách.
- Phòng phục vụ kỹ thuật sân đỗ.
- Trung tâm sửa chữa, sản xuất, bảo trì trang thiết bị

4.6. Chi nhánh Công ty:

- **Tên chi nhánh:** Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng.

- **Địa chỉ:** Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

4.7. Công ty con:

- **Tên Công ty con:** Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh.

- **Địa chỉ:** Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành Phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa.

5. Định hướng phát triển:

- Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất chất lượng cao cả về chiều rộng và chiều sâu; phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng khách hàng và yêu cầu phát triển của Công ty thông qua việc đẩy mạnh công tác tuyển dụng đúng người đúng việc, huấn luyện, đào tạo chuyên sâu, đầu tư trang thiết bị phục vụ mặt đất hiện đại và không ngừng hoàn thiện hệ thống các quy trình, hướng dẫn công việc theo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn tích hợp.

- Liên kết khai thác và không ngừng trau dồi, học tập kinh nghiệm và hoàn thiện các nguồn lực của doanh nghiệp, đảm bảo sản xuất kinh doanh phát triển bền vững; từng bước xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp và nhân văn; tập trung chăm lo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người

lao động; luôn tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học tập, lao động, cống hiến và phát triển.

– Xây dựng doanh nghiệp vững mạnh và đi đầu trong ngành về tiềm năng và uy tín trong kinh doanh; kinh doanh hiệu quả, an toàn; hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vì sự phát triển chung của ngành Hàng không, xã hội và đất nước.

6. Các rủi ro:

6.1. Rủi ro về kinh tế:

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái,... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Do đó hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn cũng chịu ảnh hưởng của những nhân tố kinh tế vĩ mô.

Tình hình kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc khai thác của toàn ngành hàng không, nhất là đối với các hãng hàng không chuyên chở hàng hóa.

Hiện nay công suất hoạt động của nhà ga quốc tế; quốc nội tại Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất đã đạt ngưỡng tối đa, đặc biệt là đường hạ cất cánh, do đó tỷ lệ tăng trưởng của các Hãng hàng không quốc tế trong thời gian tới gặp nhiều khó khăn.

Trong năm 2018, tần suất khai thác của các hãng hàng không trong nước tăng, theo quy luật thị trường sẽ làm giảm tần suất khai thác của các hãng quốc tế có giá cao khai thác đến ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, nhà ga quốc tế tại một số thời điểm trong ngày đã quá tải.

Giá xăng dầu biến động không ổn định trong năm 2018 và đang dự báo sẽ tăng trong các năm tiếp theo, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Hãng HK, buộc các Hãng HK phải cơ cấu giảm tần suất khai thác có thể gây thừa lao động dẫn đến giảm lợi nhuận của Công ty.

6.1.1. Lãi suất:

Năm 2018, Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn không sử dụng nguồn vay từ các ngân hàng, do đó rủi ro lãi suất Doanh nghiệp phải đối mặt hiện nay là chưa có. Tuy nhiên, trong tương lai khi yêu cầu về mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh được đặt ra và khi Công ty bắt đầu sử dụng vốn vay thì rủi ro lãi suất cũng là một trong những yếu tố mà doanh nghiệp phải đối mặt.

6.2. Rủi ro luật pháp:

Hoạt động của Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn

bản Pháp luật chuyên ngành. Hiện nay, các luật này cũng như các văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

6.3. Rủi ro đặc thù:

6.3.1. Ngành nghề kinh doanh:

Lĩnh vực hoạt động của công ty liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh vận tải hàng không. Do vậy kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc lớn vào tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và ngoại giao của Việt Nam với các nước trên thế giới.

6.3.2. Tình hình cạnh tranh trong ngành

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS), chuyên cung cấp dịch vụ mặt đất sân bay tại 3 sân bay lớn: Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Hà Nội cạnh tranh trực tiếp với Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn tại Cảng hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất và Đà Nẵng.

Đồng thời VIAGS có vốn góp tại Công ty TNHH Dịch vụ mặt đất Hàng không (AGS) tại Cảng Hàng không quốc tế Cam Ranh là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh tại Khánh Hòa.

6.4. Rủi ro khác:

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác mang tính bất khả kháng ít có thể xảy ra nhưng nếu có thì sẽ tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những rủi ro về thiên tai (hạn hán, bão lụt), dịch họa, sự biến động của chính trị, chiến tranh, bệnh dịch....

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

1.1. Sản lượng:

Tổng số chuyến bay Công ty phục vụ trong năm 2018: 78.449 chuyến (vượt 3% với kế hoạch năm 2018). Trong đó quốc nội 41.090 chuyến (vượt 7% kế hoạch 2018), sản lượng quốc tế 37.360 chuyến (đạt 99% kế hoạch 2018).

1.2. Doanh thu:

Doanh thu hợp nhất năm 2018 đạt 1288,3 tỷ đồng tăng 177,7 tỷ đồng (tương đương tăng 16% so với năm 2017 (1110,6 tỷ đồng) và vượt 6% so kế hoạch năm 2018.

1.3. Kết quả kinh doanh (Đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch 2018	TH 2018 so với KH 2018	
			Tăng/ giảm	% tăng/ giảm
Tổng doanh thu hợp nhất	1.288,3	1.211	77	6%
Chi phí	921,0	911	10	1%
Lợi nhuận trước thuế	367,3	299,8	68	23%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất về Công ty	263,1	223,7	39	18%

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh như đã nêu trên, Công ty đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Hội đồng quản trị giao, vượt kế hoạch doanh thu 6%, vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 18%.

Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

+ Tích cực:

Hãng hàng không Vietjet đang dịch chuyển dần cơ cấu máy bay khai thác từ loại máy bay nhỏ A320 sang máy bay lớn hơn A321 góp phần tăng doanh thu (giá dịch vụ cung cấp cho máy bay A321 cao hơn A320).

Hãng Qatar Airways (QR pax) tăng tần suất khai thác và chuyển sang khai thác loại máy bay lớn.

Hãng Asiana Airlines Cargo (OZ cargo) khai thác trở lại.

Công ty đã tích cực tìm kiếm thêm khách hàng mới tại Chi nhánh Đà Nẵng, Công ty có thêm khách hàng mới: Qatar Airways, Air Seoul, Thai Vietjet Air, Okay Airways (chỉ khai thác trong thời gian ngắn).

Một số khách hàng của Công ty tăng tần suất khai thác trong năm 2018.

Các doanh thu phi hàng không như doanh thu đào tạo, sửa chữa tăng, đặc biệt doanh thu từ dịch vụ phục vụ khách VIP tăng mạnh trong năm 2018.

+ Tiêu cực:

Một số hãng ngưng khai thác trong năm làm ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch SXKD như: hãng Thai Lion Air (SL) ngưng khai thác từ T1/2018; hãng Vanilla Air (JW) ngưng khai thác từ T4/2018; hãng Air Astana (KC) ngưng khai thác từ T4/2018; hãng Lufthansa Cargo (LH Cargo) ngưng khai thác từ T4/2018;

hãng Cardig Air (8F) ngưng khai thác từ T7/2018; hãng SF Airlines (O3) ngưng khai thác từ T7/2018; hãng Air New Zealand (NZ) ngưng khai thác từ T11/2018.

3. Các thành tích đạt được trong năm:

– Theo đánh giá của Cục Hàng không, Công ty có kết quả đáng ghi nhận trong công tác đảm bảo chuyến bay đúng giờ, an ninh, an toàn, hạn chế nạn mất cấp hành lý.

– Trong năm 2018, Công ty nhận được 104 thư khen từ các hãng hàng không và hành khách.

4. Tổ chức và nhân sự:

BẢNG 4: DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
2	Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng giám đốc
3	Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng giám đốc
5	Ông Phùng Danh Nguyễn	Kế toán trưởng

4.1. NGUYỄN ĐÌNH HÙNG – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/03/1961
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022075555, ngày cấp 13/06/2013, tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 179/34 Bạch Đằng, P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
- Địa chỉ hiện tại: Căn nhà G20, đường số 3, Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ 10/1979 đến 12/1989	Nhân viên sân bay Tân Sơn Nhất.
Từ 01/1990 đến 05/1994	Đội phó đội Thương vụ sân bay Tân Sơn Nhất.
Từ 06/1994 đến 12/1999	Đội trưởng đội Phục vụ Hành khách Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2000 đến 12/2000	Trưởng Trung tâm Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2001 đến 01/2005	Phó Giám đốc Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ 01/2005 đến 11/2013	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (SAGS).
Từ 11/2013 đến 12/2014	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
Từ 01/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn, Bí thư Đảng ủy Công ty.
Từ 01/2017 đến nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh

– Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh

+ Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam (SAAM)

– Số cổ phần nắm giữ: 3.708.145 cổ phần, chiếm 15,45% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 108.752 cổ phần, chiếm 0,45% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam: 3.599.393 phần, chiếm 15% vốn điều lệ.

– Các cam kết nắm giữ:

+ 3.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 6 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2020.

+ 65.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

+ 54.376 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

+ *Mối quan hệ: Con ruột*

• Tên cá nhân: Nguyễn Thị Thanh Vy

• Năm giữ: 5.040 CP, chiếm 0,021% vốn điều lệ.

+ *Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn*

• Tên tổ chức: Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP

• Năm giữ: 11.520.037 CP, chiếm 48% vốn điều lệ.

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4.2. NGUYỄN VĂN MỸ- Phó Tổng Giám đốc

– Giới tính: Nam

– Ngày tháng năm sinh: 17/02/1963

– Nơi sinh: Đà Lạt

– Số CMND: 023452628, ngày cấp: 12/01/2011, nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh

– Quốc tịch: Việt Nam

– Dân tộc: Kinh

– Quê quán: Nghi Diên, Nghi Lộc, Nghệ An

– Địa chỉ thường trú: 65 đường 05, P. Phước Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

– Địa chỉ hiện tại: 65 đường 05, P. Phước Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

– Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999

– Trình độ văn hóa: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh

– Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ tháng 10/1993 đến tháng 12/1996	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 01/1997 đến tháng 04/2005	Đội trưởng – Chuyên viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 05/2005 đến tháng 10/2008	Trưởng phòng Phục vụ kỹ thuật sân đỗ, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014	Phó Giám đốc Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

– Số cổ phần nắm giữ: 43.440 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 43.440 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

– Các cam kết nắm giữ:

+ 4.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 8 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2022.

+ 25.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

+ 21.720 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)

– Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

4.3. HỨA KIẾN TRƯNG - Phó Tổng Giám đốc

– Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 22/01/1979
- Nơi sinh: TP. HCM
- Số CCCD: 079079002157, ngày cấp: 12/08/2016, nơi cấp: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Việt gốc Hoa
- Quê quán: Phúc Kiến, Trung Quốc
- Địa chỉ thường trú: TK 40/28 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q1, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ hiện tại: TK 40/28 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Q1, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ tháng 04/2001 đến tháng 12/2004	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 02/2005 đến tháng 08/2006	Nhân viên Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 09/2006 đến tháng 10/2008	Phó phòng, Phòng Kế hoạch - Công ty Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014	Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu phát triển & Quản lý chất lượng, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc, CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 42.264 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 42.264 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:
 - + 5.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 10 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2024.
 - + 25.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).
 - + 21.132 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4.4. LÊ THỊ HOÀNG OANH - Phó Tổng Giám Đốc

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 02/02/1976
- Nơi sinh: Đà Lạt
- Số CMND: 024940623, ngày cấp: 17/04/2008, nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 406/57 Cộng Hoà, phường 13, Q Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ hiện tại: Khu đô thị Sala, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ 07/1998 đến 09/2004	Nhân viên Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.

Từ 10/2004 đến 03/2005	Kíp trưởng Xí nghiệp Thương mại Mặt đất Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 04/2005 đến tháng 10/2008	Tổ trưởng tổ Đào tạo huấn luyện, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 11/2008 đến tháng 12/2014	Trưởng Trung tâm đào tạo huấn luyện, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

– Số cổ phần nắm giữ: 45.960 cổ phần, chiếm 0,19 % vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 45.960 cổ phần, chiếm 0,19 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

– Các cam kết nắm giữ:

+ 5.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo cam kết làm việc 10 năm tại Công ty cổ phần từ 31/12/2014 đến 31/12/2024.

+ 25.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

+ 22.980 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)

– Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

+ *Mối quan hệ: em ruột*

• Tên cá nhân: Lê Minh Hưng

• Số cổ phần nắm giữ: 4.536 CP, chiếm 0,0189% vốn điều lệ

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4.5. PHÙNG DANH NGUYỄN - Kế toán trưởng

– Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 13/07/1978
- Nơi sinh: Quảng Trị
- Số CMND: 025110417
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Linh, Tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: P28 Lầu 6, Chung cư Cửu Long, 351/31 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.
- Địa chỉ hiện tại: P12A.03 C/c Samland Airport, 86 Nguyễn Hồng, P.1, Q.Gò Vấp, HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ tháng 11/2000 – tháng 07/2005	Chuyên viên kế toán tại Xí nghiệp thương mại mặt đất, Tân Sơn Nhất.
Từ tháng 08/2005 – tháng 08/2006	Nhân viên phòng tài chính kế toán, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 09/2006 – tháng 11/2011	Phó phòng tài chính kế toán, Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 12/2011 – tháng 12/2014	Kế toán trưởng Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Từ tháng 01/2015 tới nay	Kế toán trưởng CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 21.120 cổ phần

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 21.120 cổ phần chiếm 0,09% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Các cam kết nắm giữ:

+ 16.100 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

+ 10.560 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)

– Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:

+ *Mối quan hệ: chị ruột*

• Tên cá nhân: Phùng Thị Thanh Huyền, nắm giữ: 1.152 CP, chiếm 0,005% vốn điều lệ

– Các khoản nợ đối với Công ty: không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: không

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN BÌNH QUÂN NĂM 2018 : 1.597 nhân viên.

5. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

Đầu tư trang thiết bị:

Trong năm 2018, Công ty đã thực hiện triển khai kế hoạch đầu tư phát triển cụ thể như sau:

• **Các dự án chuyển tiếp:** Thực hiện hoàn thiện và nghiệm thu dự án của năm 2017 chuyển tiếp 2018:

– Dự án 01 xe 29 chỗ

– Dự án 02 xe nâng hạ container 7 tấn

• **Các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển 2018:**

– Có 2 Dự án và 2 hạng mục không triển khai do xem xét lại nhu cầu thực tế và 1 Dự án chưa triển khai được do chờ bàn giao mặt bằng gồm:

+ Dự án 1 xe thang lớn (SGN)

+ Dự án 1 xe nước sạch tự hành (SGN)

+ Hạng mục 1 thiết bị web gateway (fortiweb) (SGN)

+ Hạng mục 1 hệ thống giám sát mạng (SGN)

+ Dự án Xây dựng bãi tập kết TTB và nhà xưởng tại DAD

– Công ty đã hoàn tất công tác đấu thầu và ký hợp đồng trong năm cho 27 dự án các hạng mục đầu tư tài sản nhỏ lẻ theo kế hoạch với Tổng giá trị thực hiện/Tổng mức đầu tư được duyệt là 104.577.000.000 đồng/108.129.000.000 đồng, chủ yếu các dự án đầu tư trang thiết bị cho đầu Sài Gòn và Chi nhánh Đà Nẵng. Trong đó:

• 15 dự án và hạng mục đã hoàn thành việc nhận hàng và nghiệm thu đưa vào sử dụng gồm:

- Dự án 07 xe đầu kéo HH –HL cho SGN
- Dự án 04 xe băng chuyền tự hành cho SGN
- Dự án 02 xe thang tự hành (nhỏ) cho SGN
- Dự án 50 Dolly 10 feet cho SGN
- Dự án 01 cần đẩy & đầu cần đẩy máy bay cho SGN
- Dự án 01 xe bus chở khách sân đỗ cho SGN
- Dự án 01 xe tải cho SGN
- Dự án 02 xe đầu kéo HH-HL 2T cho DAD
- Dự án 01 cần đẩy + đầu cần cho DAD
- Dự án 01 xe bus chở khách sân đỗ cho DAD
- Đầu tư 15 Dolly 10 feet cho DAD
- Đầu tư 10 Trolley hàng hóa DAD
- Đầu tư 10 Trolley hành lý DAD
- Đầu tư trang thiết bị CNTT (server, tủ disk, security, firewall, switch) cho SGN-DAD
- Đầu tư hệ thống bộ đàm cho DAD
- Đầu tư thiết bị nhỏ lẻ (máy đèn chiếu, máy photocopy, máy in, camera giám sát...)

• 12 dự án chuyển tiếp thực hiện nhận hàng nghiệm thu trong 2019 gồm:

- Dự án 01 xe kéo đẩy máy bay không dùng cần (trung) cho SGN
- Dự án 01 xe băng chuyền gắn con lăn kéo dài cho SGN
- Dự án 02 xe thang không tự hành cho SGN
- Dự án 01 xe nâng người tàn tật cho SGN
- Dự án 01 xe khởi động khí không tự hành 400PPM cho SGN
- Dự án 35 Trolley hàng hóa + 05 Dolly 10 feet cho SGN
- Dự án 01 xe nâng 7 tấn cho DAD
- Dự án 03 xe đầu kéo HH-HL 2T cho DAD
- Dự án 02 xe băng chuyền tự hành cho DAD
- Dự án 02 xe băng chuyền không tự hành cho DAD
- Dự án 02 xe vệ sinh máy bay cho SGN -DAD

– Dự án 01 xe cáp điện 180KVA cho DAD

Hiệu quả đạt được: Trong năm 2018, Công ty đã cơ bản hoàn thành xong công tác đầu tư trang thiết bị mặt đất, trang thiết bị CNTT, tài sản nhỏ lẻ theo kế hoạch đề ra đáp ứng nhu cầu hoạt động SXKD của công ty tại Cảng HK QT Tân Sơn Nhất và Cảng HK QT Đà Nẵng. Một số dự án (12 dự án) việc giao hàng, nghiệm thu sẽ tiếp tục chuyên qua thực hiện tiếp trong đầu năm 2019.

Việc thực hiện đầu tư được thực hiện thông qua đấu thầu với Tổng giá trị = 104.577.000.000 đồng/ Tổng mức đầu tư phê duyệt (108.129.000.000 đồng), tiết kiệm 3% tương đương 3.5 tỉ đồng so với kế hoạch đề ra.

Tất cả các dự án đã thực hiện đều sử dụng vốn tự có của Công ty

6. Tình hình tài chính:

6.1. Tình hình tài chính trên báo cáo tài chính hợp nhất:

Chỉ tiêu (Đvt: triệu đồng)	Năm 2018	Năm 2017	% tăng / giảm
Tổng giá trị tài sản hợp nhất	963.678	698.091	38%
Doanh thu thuần hợp nhất	1.276.566	1.110.277	15%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp nhất	460.158	287.965	60%
Lợi nhuận khác hợp nhất	(143)	311	-146%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	367.315	288.277	27%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	263.169	208.326	26%
Tỷ lệ trả cổ tức dự kiến	30%	30%	0%
Tỷ lệ trả cổ tức thực hiện bằng tiền	30%	50%	-20%
Tỷ lệ trả cổ tức thực hiện bằng cổ phiếu	40%	0%	40%

6.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu trên báo cáo tài chính hợp nhất

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng / giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,54	2,00	27%
Hệ số thanh toán nhanh	1,67	0,89	87%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,28	0,29	-4%
Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	0,39	0,41	-6%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	112	131	-15%
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	1,32	1,59	-17%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST hợp nhất/Doanh thu thuần	0,2	0,2	10%
Hệ số LNST hợp nhất/Vốn chủ sở hữu	0,38	0,42	-10%
Hệ số LNST hợp nhất/Tổng tài sản	0,27	0,30	-9%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,36	0,26	39%

7. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

7.1. Cổ phần:

– Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 23.995.952 cổ phiếu.

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 23.964.652 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ: 31.300 cổ phần (tính đến 31/12/2018)
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 10.923.001 cổ phiếu. Trong đó:
 - Tổ chức Công đoàn: 140.000 cổ phần, không được chuyển nhượng trong suốt thời gian hoạt động của Công ty. (theo Điểm c, Khoản 2, Điều 36 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).
 - Cổ phần Nhà đầu tư chiến lược: 2.705.000 cổ phiếu, thời gian hạn chế chuyển nhượng 05 năm (từ 31/12/2014 đến 31/12/2019).
 - Cổ phần Người lao động mua theo cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần: 291.800 cổ phần, thời gian hạn chế chuyển nhượng sẽ theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần của người lao động khi Công ty chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.
 - Cổ phần Người lao động mua theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty năm 2016: 182.666 cổ phần. Hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành.
 - Cổ phần của cổ đông lớn có liên quan đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE): 9.541.631 cổ phần.

7.2. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 28/03/2019 (ngày chốt danh sách tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019)

Stt	Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số cp sở hữu	Giá trị theo mệnh giá (vnd)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	3	18.179.610	181.796.100.000	75,76%
2	Cổ đông nhỏ	543	5.785.042	57.850.420.000	24,11%
3	Cổ phiếu Quỹ	1	31.300	313.000.000	0,13%
	Tổng cộng	547	23.995.952	239.959.520.000	100%
4	Cổ đông trong nước	510	21.927.397	219.273.970.000	91,38%
	Cổ đông nước ngoài	37	2.037.255	20.372.550.000	8,49%
	Cổ phiếu Quỹ	1	31.300	313.000.000	0,13%
	Tổng cộng	547	23.995.952	239.959.520.000	100%

<i>Cổ đông tổ chức</i>	27	22.270.743	222.707.430.000	92,81%
<i>Cổ đông cá nhân</i>	519	1.693.909	16.939.090.000	7,06%
<i>Cổ phiếu Quỹ</i>	1	31.300	313.000.000	0,13%
Tổng cộng	547	23.995.952	239.959.520.000	100%

7.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 31.300 cổ phiếu
- Thời điểm thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu cam kết của nhân viên nghỉ việc trong năm 2015 số lượng: 2.000 cổ phiếu, năm 2016 số lượng: 7.500 cổ phiếu, năm 2017 số lượng: 20.300 cổ phiếu, năm 2018 số lượng: 1.500 cổ phiếu.
- Giá thu hồi cổ phiếu của CBNV mua theo cam kết khi cổ phần hóa: 14.000 đồng/ cổ phiếu
- Giá thu hồi cổ phiếu của CBNV mua theo chương trình ESOP 2016: giá thu hồi cổ phiếu là giá đóng cửa tại ngày trước ngày tiến hành việc thu hồi nhưng không vượt quá giá phát hành (giá phát hành là 30.000 đồng/cổ phiếu)
- Đối tượng giao dịch: Cổ đông là các cán bộ nhân viên của Công ty do nghỉ việc trước thời hạn cam kết khi thực hiện cổ phần hóa Công ty và các cổ đông là cán bộ nhân viên do nghỉ việc trước thời hạn cam kết khi mua theo chương trình ESOP năm 2016.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Tình hình kinh tế chính trị, an ninh thế giới và khu vực tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới có sự phục hồi nhưng còn chậm so với dự báo; chiến tranh thương mại, bảo hộ mậu dịch của một số nước có nền kinh tế mạnh còn tiếp diễn. Trong bối cảnh đó, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn đã lãnh đạo cán bộ, người lao động khắc phục khó khăn, đoàn kết phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

1.1. Thuận lợi:

- Năm 2018, Kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7,08%, cao nhất từ năm 2008 đến nay, các chỉ tiêu vĩ mô ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường vận tải hàng không tăng trưởng khá mạnh.
- Vận chuyển của các hãng hàng không Việt đạt gần 50 triệu hành khách, tăng 10,1% so với 2017 và trên 400 nghìn tấn hàng hóa, tăng 27,2% so với 2017 (trong đó thị phần của hãng Vietjet là 44%).
- Tính cả các hãng hàng không nước ngoài, thị trường vận chuyển hàng không Việt Nam năm 2018 ước gần 70 triệu khách, tăng 12,6% so năm 2017.

1.2. Khó khăn:

- Tình hình chính trị, kinh tế và quan hệ thương mại thế giới diễn biến nhiều phức tạp;
- Tại 3 Cảng Công ty đang kinh doanh là Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Cam Ranh có sự cạnh tranh mạnh mẽ từ VIAGS (Công ty con 100% vốn của Vietnam Airlines)
- Hiện nay công suất hoạt động của nhà ga quốc tế; quốc nội tại Cảng Hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất đã đạt ngưỡng tối đa, đặc biệt là đường hạ cất cánh, do đó việc tiếp nhận thêm khai thác của các hãng đến Tân Sơn Nhất rất thấp.
- Trong năm 2018, tần suất khai thác của các hãng hàng không trong nước tăng, theo quy luật thị trường sẽ làm giảm tần suất khai thác của các hãng quốc tế có giá cao khai thác đến ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Tại Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, nhà ga quốc tế tại một số thời điểm trong ngày đã quá tải.

1.3. Công ty đã thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018. Cụ thể:

- Doanh thu: đạt 1.288,3 tỷ đồng vượt 6% KH năm.
- Lợi nhuận sau thuế: 263,1 tỷ đồng vượt 18%/KH năm
- Nộp ngân sách nhà nước: 139 tỷ đồng trong đó 73,1 tỷ đồng là thuế TNDN.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

- Tài sản ngắn hạn: 644,68 tỷ đồng (chiếm 67% tổng tài sản)
- Tài sản dài hạn: 318,99 tỷ đồng (chiếm 33% tổng tài sản)

2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả: 268,38 tỷ đồng (chiếm 28% tổng nguồn vốn)
- Vốn chủ sở hữu: 695,29 tỷ đồng (chiếm 72% tổng nguồn vốn)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Năm 2018, Công ty tiếp tục rà soát kiện toàn, nâng cấp đưa vào áp dụng nhiều giải pháp quản trị doanh nghiệp tiên tiến góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
- Vận hành duy trì các hệ thống quản lý chất lượng ISAGO, hệ thống đánh giá an toàn chuyên ngành phục vụ mặt đất tại các Cảng HKQT Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Công ty con hoạt động tại Cảng HKQT Cam Ranh.
- Công ty tiếp tục áp dụng phiên bản mới nhất của hệ thống quản trị chất lượng ISO 9001:2015 tại cả 03 Cảng HKQT (Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Cam Ranh).

- Trong năm 2018 Công ty có nhiều chiến lược quan tâm đến quảng bá hình ảnh, chăm sóc khách hàng, bằng các đợt phát động chiến dịch Hello Hè, Hi Winter góp phần nâng cao ý thức của người lao động trong công tác phục vụ, thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng nâng cao tỷ lệ an toàn, đúng giờ được hãng Hàng không và hành khách đánh giá cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Công ty tiếp tục bám sát chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do ĐHĐCĐ giao để cố gắng và nỗ lực hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Bên cạnh đó Công ty sẽ linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình. Mở rộng phát triển quy mô Công ty kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính công ty an toàn, hiệu quả.

- Cải tiến, nâng cao năng suất lao động, nghiên cứu đầu tư máy móc tự động hóa thay thế con người, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích của cổ đông, đảm bảo thu nhập cho người lao động ổn định và gia tăng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Công ty đã hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông giao.

- Tỷ lệ cao các chuyến bay phục vụ được đảm bảo an ninh, an toàn, hạn chế được tình trạng mất cấp hành lý, nâng cao tỷ lệ các chuyến bay đúng giờ.

- Sản lượng phục vụ tăng, qua đó gia tăng việc làm cho người lao động, đảm bảo thu nhập người lao động được ổn định.

- Hoàn thành việc chuyển sàn giao dịch cổ phiếu từ UPCOM niêm yết lên HOSE.

- Việc công bố thông tin và các nghĩa vụ của Công ty niêm yết được thực hiện đầy đủ theo quy định của Luật chứng khoán.

- Công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp thuế cho ngân sách nhà nước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

Theo đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm 2018, đồng thời tuân thủ nghiêm chỉnh các quy trình và quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ và các quy định pháp lý hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

– Chỉ đạo, quản trị hoạt động Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do ĐHCĐ giao.

– Điều chỉnh linh hoạt chiến lược kinh doanh của Công ty phù hợp tình hình. Mở rộng phát triển quy mô Công ty kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.

– Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính công ty an toàn, hiệu quả.

– Đẩy mạnh rà soát hoàn thiện các Quy chế của Công ty.

– Chỉ đạo việc công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành.

– Thực hiện các chức năng quản trị khác theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

BẢNG 5: DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	Thành viên hội đồng quản trị điều hành
2	Ông Lưu Quang Lâm	Phó chủ tịch HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành
5	Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	Thành viên hội đồng quản trị không điều hành bổ nhiệm ngày 19/04/2018

**1.1.1. NGUYỄN ĐÌNH HÙNG – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
(Tham khảo tại Điều II Khoản 4 Mục 4.1)**

1.1.2. LƯU QUANG LÂM - Phó chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/04/1959
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Số CMND: 025168368 cấp ngày 07/09/2014 tại CA Tp.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Xã An Thịnh - Huyện Lương Tài - Tỉnh Bắc Ninh
- Địa chỉ hiện tại: 188 Nguyễn Văn Thủ - Phường Đakao - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0432002229
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ 01/1981 đến 12/1987	Phòng Vật tư – CNV Quốc phòng – Quân chủng Không quân.
Từ 01/1988 đến 06/2003	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Thiết bị Phụ tùng TP.Hồ Chí Minh
Từ 07/2003 đến 01/2017	Trưởng phòng dự án Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại TP Hồ Chí Minh.
Từ 02/2007 đến 05/2007	Phó giám đốc Công ty Tài Chính Dầu khí, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 06/2007 đến 12/2007	Giám đốc Công ty Tài Chính Dầu khí, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 01/2008 đến 08/2008	Giám đốc Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu khí VN - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Từ 09/2008 đến 12/2008	Trưởng Ban rà soát hoạt động đầu tư & tín dụng Tổng Công ty Tài Chính CP Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

	Minh
Từ 03/2010 đến nay	<p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền Thông Bóng Đá Việt Nam.</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Khai thác Cảng.</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT 38.</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khai thác Cảng Biên An Thới</p>
Từ tháng 01/2015 đến nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

– Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

+ Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Khai thác Cảng.

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Truyền Thông Bóng Đá Việt Nam

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP BOT 38

+ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Khai thác Cảng Biên An Thới

– Số cổ phần nắm giữ: 3.086.694 cổ phần, chiếm 12,86% vốn điều lệ

– Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 18.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

+ Đại diện CTCP Đầu tư Khai thác Cảng: 3.068.694 cổ phiếu, chiếm 12,79% vốn điều lệ

– Các cam kết nắm giữ:

+ 15.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

+ 9.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

+ *Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn*

• Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Đầu tư Khai Thác Cảng

• Nắm giữ: 3.068.694 CP, chiếm 12,79% vốn điều lệ

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.1.3. NGUYỄN THỊ ĐỖ QUYÊN - Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/10/1970
- Nơi sinh: Xã Bình Phú, huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
- Số CMND: 023500853, ngày cấp 06/02/2012, nơi cấp: CA. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Hòa Phú, Huyện Vàm Cỏ, Tỉnh Long An
- Địa chỉ thường trú: RR14 Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
- Địa chỉ hiện tại: RR14 Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Tháng 01/1995 – Tháng 10/2001	Chuyên viên giám định phòng KTGD 4, Chi nhánh Giám định Hàng hóa Xuất nhập khẩu TP.HCM (Vina Control HCM)
Tháng 11/2001 - Tháng 07/2003	Đi học tại Newzealand
Tháng 8/2003 – tháng 3/2005	Chuyên viên phòng Kế hoạch, Cục Cảng Hàng không Miền Nam.
Tháng 3/2005 – tháng 8/2005	Chuyên viên phòng tổ chức hành chánh, đào tạo và quản lý chất lượng – Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Tháng 8/2005 – tháng 5/2008	Trưởng phòng tổ chức hành chánh, đào tạo và quản lý chất lượng – Công ty Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.
Tháng 5/2008 – tháng 04/2012	Phó Giám đốc Công ty Phục vụ mặt đất Sài

	Gòn
Tháng 04/2012 – hiện nay	Phó trưởng Ban Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam, Phó Bí thư Chi bộ Tổ chức cán bộ - Lao động tiền lương (nay là Ban Tổ chức nhân sự)
Từ tháng 01/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó trưởng Ban Tổ chức nhân sự Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP.

– Số cổ phần nắm giữ: 3.617.393 cổ phần, chiếm 15,075 % vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 18.000 cổ phần, chiếm 0,075% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP: 3.599.393 cổ phần, chiếm 15 % vốn điều lệ

– Các cam kết nắm giữ:

+ 15.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

+ 9.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

+ *Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn*

• Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP

• Nắm giữ: 11.520.037 CP chiếm 48% vốn điều lệ

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.1.4. LÊ THỊ DIỆU THÚY – Thành viên HĐQT

– Giới tính: Nữ

– Ngày tháng năm sinh: 17/03/1978

- Nơi sinh: TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
- Số CMND: 024597399, ngày cấp 18/07/2006, nơi cấp: CA.Hồ Chí Minh Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Kiên Giang
- Địa chỉ thường trú: 171 Hai Bà Trưng, phường 6, Quận 3, TPHCM.
- Địa chỉ hiện tại: 171 Hai Bà Trưng, phường 6, Quận 3, TPHCM.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ tháng 01/2003 đến tháng 10/2007	Chuyên viên phòng Kế hoạch, Cụm Cảng Hàng không miền Nam.
Từ tháng 10/2007 đến tháng 08/2008	Phó phòng khai thác ga Quốc tế Tân Sơn Nhất, Công ty Khai thác ga Tân Sơn Nhất – Tổng công ty Cảng Hàng không miền Nam.
Từ tháng 08/2008 đến tháng 04/2012	Phó trưởng Ban Quản lý cơ sở hạ tầng, Tổng Công Ty Cảng Hàng không Miền Nam.
Từ tháng 04/2012 đến tháng 06/2014	Phó Giám đốc Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất, kiêm Trưởng phòng tổ chức cán bộ, lao động và tiền lương – Chi nhánh cấp 1 của Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ 06/2014 đến 03/2015	Trưởng ban Kế hoạch - Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ 04/2015- 03/2016	Thành viên Hội đồng thành viên chuyên trách Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam.
Từ tháng 01/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Từ 04/2016- nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP
-----------------	--

– Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam- CTCP.

– Số cổ phần nắm giữ: 4.339.251 cổ phần, chiếm 18,085 % vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 18.000 cổ phần, chiếm 0,075 % vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu cho Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam- CTCP: 4.321.251 cổ phần, chiếm 18,01% vốn điều lệ.

– Các cam kết nắm giữ:

+ 15.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng, 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

+ 9.000 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

+ *Mối quan hệ: Tổ chức cử người đại diện vốn*

• Tên tổ chức: Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam- CTCP

• Nắm giữ: 11.520.037 CP chiếm 48% vốn điều lệ

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.1.5. NGUYỄN NGỌC ANH – Thành viên HĐQT

– Giới tính: Nữ

– Ngày tháng năm sinh: 05/09/1981

– Nơi sinh: Hà Nội

– Số CMND: 012109412 do CA Hà Nội cấp ngày 08/05/2010.

– Quốc tịch: Việt Nam

– Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 262 ngõ Văn Chương, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Địa chỉ hiện tại: 262 ngõ Văn Chương, phường Văn Chương, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 354749999
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
2005 - nay	Giám đốc Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư phía Bắc CTCP Chứng khoán Sài Gòn (nay là SSI)
04/2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư phía Bắc CTCP Chứng khoán SSI

- Số cổ phần nắm giữ: không có

- Các cam kết nắm giữ: không có

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

- *Mối quan hệ: Giám đốc Khối dịch vụ Ngân hàng đầu tư phía Bắc Công ty cổ phần chứng khoán SSI*

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán SSI

- Nắm giữ: 3.590.879 CP chiếm 14,96% vốn điều lệ

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 phiên họp nhằm đưa ra chủ trương, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh với thành phần tham dự cụ thể như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Lưu Quang Lãm	Phó Chủ tịch HĐQT	1/4	25%	Bận công tác
3	Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	4/4	100%	

Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	260/QĐ-HĐQT	10/01/2018	Công nhận danh hiệu “chiến sỹ thi đua cơ sở” năm 2017
2	264/QĐ-HĐQT	13/03/2018	Phê duyệt Quỹ lương thực hiện năm 2017
3	269/NQ-HĐQT	29/03/2018	Thu hồi cổ phiếu của CBNV nghỉ việc trước thời hạn cam kết làm cổ phiếu quỹ
4	272/QĐ-HĐQT	09/04/2018	Ban hành quy chế làm việc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
5	273/QĐ-HĐQT	09/04/2018	Ban hành quy chế bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014-2019
6	285/NQ-HĐQT	27/04/2018	Chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2017 bằng tiền
7	301/NQ-HĐQT	23/07/2018	Thông qua phương pháp tính giá tham chiếu cổ phiếu SGN tại ngày giao dịch

			đầu tiên trên HOSE
8	308/QĐ-HĐQT	17/08/2018	Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động đào tạo, huấn luyện của TTĐT huấn luyện Công ty CP Phục vụ mặt đất Sài Gòn
9	310/QĐ-HĐQT	28/08/2018	Cử cán bộ tham gia diễn đàn phát triển mạng đường bay quốc tế lần thứ 24
10	312a/NQ-HĐQT	31/10/2018	Thông qua phương thức tính Quỹ tiền lương năm 2018
11	313/NQ-HĐQT	09/11/2018	Chi thưởng đạt kế hoạch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018
12	314/QĐ-HĐQT	19/12/2018	Công nhận danh hiệu “chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2018

2. Ban Kiểm soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

BẢNG 6: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
	Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng Ban Kiểm soát
	Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên
	Ông Nguyễn Kiên Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19/04/2018)

2.2.1. TRẦN QUANG TÂM THẢO - Trưởng Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1970
- Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
- Số CMND: 024365074 ngày cấp: 11/09/2008, nơi cấp: CA.Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú: 926/34/19/12 Nguyễn Kiệm, P03, Gò Vấp, TPHCM
- Địa chỉ hiện tại: 926/34/19/12 Nguyễn Kiệm, P03, Gò Vấp, TPHCM
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: (08) 354749999

- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế Toán
- Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
1994 – 2000	Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam
2001- 05/2012	Tổ phó Tổ quản lý doanh thu- Phòng Tài chính – Kế toán Tổng công ty Cảng hàng không miền Nam
05/2012 – 04/2018	Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ - Chính sách chế độ, Ban Tài chính – Kế toán , TCT Cảng hàng không Việt Nam – CTCP
04/2018 – nay	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ: không có
- Các cam kết nắm giữ: không có
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không có

2.2.2. TRẦN DƯƠNG NGỌC THẢO - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/09/1976
- Nơi sinh: Tp.Hồ Chí Minh
- Số CMND: 022977029, ngày cấp: 15/2/2005 tại CA TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 29A/16 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

– Địa chỉ hiện tại: 29A/16 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

– Số điện thoại liên lạc cơ quan: 028 35471866

– Trình độ văn hóa: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Cử nhân ngoại ngữ, Thạc sỹ quản trị Kinh Doanh- Thạc Sỹ tài chính

– Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Từ 03/2000 đến tháng 05/2002	Nhân viên hành chính, Công ty TOWA, Industry (Nhật Bản)
Từ tháng 06/2002- tháng 09/2002	Quản lý nhân sự, Công ty liên doanh Sony Việt Nam
Từ tháng 05/2006- tháng 02/2007	Trưởng phòng nghiệp vụ- Giám Đốc Tư vấn tài chính doanh nghiệp và phân tích tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán Tp.HCM (HSC)
Từ tháng 03/2007- tháng 03/2008	Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Tân Việt- chi nhánh TP.HCM (TVSI)
Từ tháng 04/2008- tháng 01/2011	Tổng Giám Đốc, CTCP Chứng khoán Gia Quyền (EPS)
Từ tháng 02/2011- tháng 04/2012	Phó Tổng Giám Đốc, CT CP Chứng khoán Phú Gia
Từ tháng 05/2012 – 04/2013	Trưởng phòng kiểm soát nội bộ, CT CP Hàng không Vietjet
Từ tháng 05/2013- tháng 11/2014	Tổng Giám đốc, CT Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Liên Minh Việt Nam
Từ tháng 07/2013 – Hiện nay	Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet
Từ tháng 01/2015 đến nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

– Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet.

– Số cổ phần nắm giữ: 3.600 Cổ phần chiếm 0,015% vốn điều lệ

– Các cam kết nắm giữ:

+ 3.000 cổ phần sở hữu cá nhân mua theo chương trình ESOP 2016, hạn chế chuyển nhượng 70% trong vòng 2 năm, 40% trong vòng 3 năm kể từ ngày phát hành (10/10/2016).

+ 1.800 cổ phần hạn chế chuyển nhượng 1 năm kể từ ngày 01/08/2018 (cam kết nắm giữ khi niêm yết tại HOSE)

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

– *Mối quan hệ: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Hàng không Vietjet*

• Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet

• Nắm giữ: 944.212 CP chiếm 3,93% vốn điều lệ

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2.2.3. NGUYỄN TRUNG KIÊN - Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 19/04/2018):

– Giới tính: Nam

– Ngày tháng năm sinh: 21/09/1986

– Nơi sinh: Thái Nguyên

– Số CMND: 019086000064, ngày cấp: 29/06/2015 tại Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư

– Quốc tịch: Việt Nam

– Dân tộc: Kinh

– Quê quán: Hà Nội

– Địa chỉ thường trú: 16 ngách 583/29 Kim Ngưu, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội

– Địa chỉ hiện tại: 16 ngách 583/29 Kim Ngưu, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội

– Số điện thoại liên lạc cơ quan:

– Trình độ văn hóa: 12/12

– Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

– Quá trình công tác:

THỜI GIAN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
2008 – 2010	Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán E&Y
2010 – 2017	Trưởng phòng- Phân tích và tư vấn đầu tư khách hàng tổ chức Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn
2017 – nay	Trưởng phòng đầu tư Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn (nay là SSI)
04/2018 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

– Chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng phòng đầu tư Công ty cổ phần chứng khoán SSI

– Số cổ phần nắm giữ: 0

– Các cam kết nắm giữ: không

– Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức đăng ký giao dịch:

– *Mối quan hệ: Trưởng phòng đầu tư Công ty cổ phần chứng khoán SSI*

• Tên tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán SSI

• Nắm giữ: 3.590.879 CP chiếm 14,96% vốn điều lệ

– Các khoản nợ đối với Công ty: Không

– Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

– Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Ban Kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty phù hợp với Điều lệ của Công ty, các Quy chế nội bộ và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong năm 2018, BKS tổ chức ba (03) cuộc họp chính thức, với 100% số lượng thành viên tham dự, thông qua các nội dung chính như sau:

- o Bầu trưởng Ban Kiểm soát, phân công nhiệm vụ từng thành viên trong BKS.

- o Kế hoạch làm việc của BKS 2018
- o Thực hiện giám sát hoạt động, kết luận công tác kiểm tra giám sát của BKS.

Ngoài ba (03) phiên họp chính, BKS thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu, giữa các thành viên qua email, điện thoại, đề ra các biện pháp cụ thể, thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của BKS.

Tham dự và tham gia thảo luận các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và hội nghị giao ban của Ban Điều hành.

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty như sau:

- Giám sát, việc chấp hành chế độ chính sách pháp luật, quy định của Nhà nước, việc tuân thủ Điều lệ, các Quy chế, Quy định của Công ty trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị và quyết định của Ban Tổng Giám đốc.

- Giám sát việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của công ty.

- Kiểm tra và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, tình hình hoạt động tài chính của công ty thông qua việc kiểm tra trực tiếp các hoạt động, hồ sơ, chứng từ tại công ty và chi nhánh; rà soát gián tiếp thông qua các báo cáo hoạt động của Ban Điều hành Công ty.

- Rà soát các quy chế, quy định do Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc ban hành.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính quý, bán niên, năm. (đã được kiểm toán)

- Giám sát việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm tài sản.

- Giám sát các biện pháp tiết kiệm chi phí hoạt động.

- Kiểm tra, kiểm soát, đánh giá các mặt hoạt động của Chi nhánh Đà Nẵng từ 27-29/11/2018);

- Kiểm tra công tác tài chính kế toán, đầu tư tại Văn phòng Công ty từ 18-20/02/2019.

- Bên cạnh những ý kiến đóng góp, kiến nghị, tư vấn của Ban Kiểm soát tại các cuộc họp của công ty, Ban Kiểm soát đã phát hành 03 văn bản giám sát liên quan đến công tác quản lý, đầu tư mua sắm, hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các thành viên BKS đều làm việc tích cực, với tinh thần trách nhiệm cao, nắm bắt sâu sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, từ đó kịp thời có những đóng góp ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trên nguyên tắc đảm bảo quyền lợi của công ty và cổ đông, đồng thời

BKS đã hoàn thành tốt kế hoạch, nhiệm vụ kiểm tra giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua.

2.2.2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:

Qua kết quả kiểm tra, giám sát Ban Kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban Điều hành Công ty đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong việc chỉ đạo, điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của công ty theo thẩm quyền, tuân thủ đúng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông.

Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 thông qua, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận đều tăng trưởng so với 2017 và vượt kế hoạch do Đại Hội đồng cổ đông 2018 giao, cụ thể:

+ Doanh thu hợp nhất: đạt 1288,39 tỷ đồng, vượt 6,4%/KH (tương ứng 77,39 tỷ đồng)

+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: đạt 263,17 tỷ đồng, vượt 17,6%/KH (tương ứng 39,5 tỷ đồng)

Phân phối lợi nhuận năm 2017: HĐQT đã chỉ đạo công ty hoàn thành công tác chi trả cổ tức, chi thưởng và trích lập các quỹ theo đúng tiến độ và nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông 2018 thông qua.

Chi trả thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và BKS theo đúng nội dung đã được ĐHĐCĐ 2018 thông qua:

+ Thù lao HĐQT: Chủ tịch (kiêm nhiệm) – 10 triệu đồng /tháng

Thành viên HĐQT – 7 triệu đồng/người /tháng

+ Thù lao Ban Kiểm soát: Trưởng ban không chuyên trách: 7 triệu đồng/ tháng

Trưởng ban làm việc chuyên trách: 50 triệu đồng/tháng

Thành viên Ban Kiểm soát: 4 triệu đồng/người/tháng

+ Thưởng đạt kế hoạch lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2017 cho HĐQT và BKS: 975.000.000 đồng.

+ Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2017 cho HĐQT và BKS: 265.772.696 đồng.

+ Thưởng đạt kế hoạch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018 cho HĐQT và BKS: 691.250.000 đồng.

Ghi chú: tiền thưởng đạt, vượt kế hoạch lợi nhuận được phân phối cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát căn cứ vào đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và thù lao hàng tháng được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và 2018 thông qua.

+ Lợi ích khác năm 2018 của HĐQT, BKS: 105.833.504 đồng.

Công ty đã chi trả tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác cho Ban Tổng Giám đốc, Ban Điều hành năm 2018 và báo cáo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 2018 của công ty.

Hoàn thành chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của Công ty từ UPCOM sang đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE). Ngày 04/07/2018, Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 242/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn. Ngày 01/08/2018 là ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu SGN tại sàn HOSE với giá tham chiếu 140.000 đồng/cổ phiếu.

HĐQT đã tổ chức họp đầy đủ theo Điều lệ quy định. Cụ thể, trong năm 2018 HĐQT tổ chức 4 cuộc họp và tổ chức lấy ý kiến của các thành viên bằng văn bản để ra quyết định kịp thời.

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị, chi nhánh phù hợp nhu cầu tăng trưởng và tình hình hoạt động năm 2018.

Chỉ đạo việc thực hiện việc công bố thông tin theo đúng quy định.

Thông qua chủ trương, nội dung đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định phân cấp và Điều lệ của Công ty.

Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành 12 nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết /quyết định đã được triển khai thực hiện. Một số nội dung của nghị quyết đang và tiếp tục thực hiện trong năm 2019.

Trên cơ sở đề xuất của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị đã quyết định chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

2.2.3. Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

Hoạt động, điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; được phân công, phân cấp, tuân thủ theo Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ của Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.

Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD do HĐQT giao. Ban điều hành thường xuyên báo cáo, đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị thông qua chủ trương các vấn đề, nội dung công việc thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị trong việc quản lý sản xuất kinh doanh.

Triển khai, chỉ đạo các đơn vị, phòng ban chức năng phối hợp thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, sâu sát trong quản lý và điều hành, xuất sắc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

2.2.4. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc với Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty.

Ban Kiểm soát đều được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc, thông qua đó Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã trao đổi, bàn bạc thấu đáo về những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của Ban Kiểm soát trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Công ty, của Cổ đông, tuân thủ các quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ.

2.2.5. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018.

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty trong năm tài chính 2018 do Ban Tổng Giám đốc lập (được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập - Công ty TNHH Ernst & Young Viet Nam)

Ban Kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh đầy đủ, trung thực các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính 2018 và tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 phù hợp với Chuẩn mực kế toán và các qui định hiện hành.

2.2.6. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019

Trong năm 2019, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình nhằm đảm bảo lợi ích của cổ đông với các kế hoạch nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, các quy chế, quy định của công ty.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT năm 2019.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành Công ty theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và năm của Công ty.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị và tài sản, việc xây dựng định mức, các biện pháp tiết kiệm chi phí Công ty.
- Giám sát cơ cấu tổ chức và lao động của đơn vị, công tác nhân sự và tuyển dụng lao động, chi trả tiền lương và thu nhập.
- Thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của cổ đông, theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng: 16.221.332.389 đồng
- Thu nhập HĐQT và BKS: 3.022.237.152 đồng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

3.2.1. Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
	ANDBANC INVESTMENTS SIF - VIETNAM VALUE AND INCOME PORTFOLIO	1.130.480	4,72%	1.148.680	4,79%	Mua

3.2.2. Các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty: không phát sinh

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không phát sinh

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty đã thực hiện theo đúng các quy định về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN (Tham khảo phụ lục đính kèm).

Xác nhận của Đại diện theo pháp luật của Công ty
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Đình Hùng

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 36

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNDKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh sau đó (lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017).

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Chủ tịch	
Ông Lưu Quang Lãm	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên	Thành viên	
Bà Lê Thị Diệu Thúy	Thành viên	
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên	bỏ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	từ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng ban	bỏ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Thùy Trang	Trưởng ban	từ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Dương Ngọc Thảo	Thành viên	
Bà Phạm Phương Linh	Thành viên	từ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	bỏ nhiệm từ ngày 19 tháng 4 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phùng Danh Nguyễn	Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đình Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2019



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Fax: +84 28 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61354721/20301358-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 36, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Năm Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3021-2019-004-1

Trần Thanh Thủy
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3076-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		644.681.700.237	382.572.697.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	423.800.186.849	170.008.044.784
111	1. Tiền		263.800.186.849	110.008.044.784
112	2. Các khoản tương đương tiền		160.000.000.000	60.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.027.077.778	13.027.077.778
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	3.027.077.778	13.027.077.778
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		201.372.978.524	174.798.498.851
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	195.360.408.643	172.098.134.716
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	4.221.327.600	1.058.811.582
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.791.242.281	1.641.552.553
140	IV. Hàng tồn kho	8	9.291.496.530	5.396.668.471
141	1. Hàng tồn kho		9.291.496.530	5.396.668.471
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.189.960.556	19.342.407.751
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	898.092.295	712.207.128
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		6.264.826.407	18.444.923.888
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	13	27.041.854	185.276.735
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		318.996.353.083	315.519.149.634
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		256.000.000	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	5.508.337.650	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	20.856.000.000	-
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(26.108.337.650)	-
220	II. Tài sản cố định		309.282.543.038	306.868.581.571
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	309.282.543.038	306.868.581.571
222	Nguyên giá		599.123.245.521	527.856.677.011
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(289.840.702.483)	(220.988.095.440)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		3.000.000.000	5.489.250.910
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	3.000.000.000	5.489.250.910
260	IV. Tài sản dài hạn khác		6.457.810.045	3.161.317.153
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.356.544.954	1.870.028.023
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	3.101.265.091	1.291.289.130
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		963.678.053.320	698.091.847.269

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

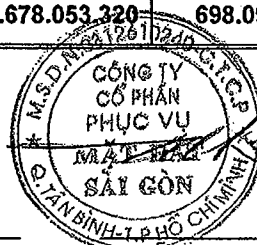
VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		268.380.512.864	203.891.794.578
310	I. Nợ ngắn hạn		254.037.723.544	191.091.344.258
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	65.783.525.259	49.824.484.836
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		434.330.017	424.615.394
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	17.328.517.971	13.901.071.006
314	4. Phải trả người lao động		85.935.767.948	109.621.228.399
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	60.911.238.703	3.735.303.460
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.116.171.414	3.617.116.240
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		19.528.172.232	9.967.524.923
330	II. Nợ dài hạn		14.342.789.320	12.800.450.320
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	14.342.789.320	12.800.450.320
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		695.297.540.456	494.200.052.691
410	I. Vốn chủ sở hữu	16.1	695.297.540.456	494.200.052.691
411	1. Vốn cổ phần		239.959.520.000	239.959.520.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		239.959.520.000	239.959.520.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		9.486.000.000	9.486.000.000
415	4. Cổ phiếu quỹ		(518.200.000)	(497.200.000)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		134.094.865.554	54.144.670.223
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		241.575.349.940	147.332.088.617
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.941.938.157	1.853.938.780
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		237.633.411.783	145.478.149.837
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		64.096.324.962	37.171.293.851
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		963.678.053.320	698.091.847.269

Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập

Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

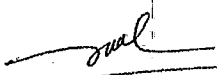


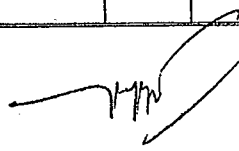
Ngày 19 tháng 3 năm 2019

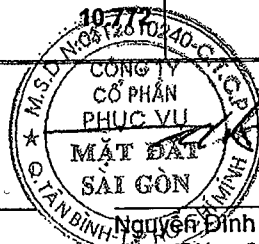
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.1	1.276.565.654.102	1.105.949.893.875
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp		816.407.382.384	722.000.383.378
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		460.158.271.718	383.949.510.497
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	11.688.114.211	4.327.579.459
22	5. Chi phí tài chính	18	2.733.590.996	1.138.265.763
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	101.654.753.444	99.173.401.727
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		367.458.041.489	287.965.422.466
31	8. Thu nhập khác	20	138.622.832	326.674.697
32	9. Chi phí khác	20	281.626.278	15.016.745
40	10. (Lỗ) lợi nhuận khác	20	(143.003.446)	311.657.952
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		367.315.038.043	288.277.080.418
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.2	76.198.365.692	58.070.560.928
52	13. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22.3	(1.809.975.961)	(101.503.796)
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		292.926.648.312	230.308.023.286
61	15. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		263.169.133.976	208.326.729.435
62	16. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	16.1	29.757.514.336	21.981.293.851
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	10.772	8.252
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	16.5	10.772	8.252


Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập


Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng




Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

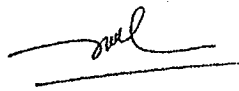
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		367.315.038.043	288.277.080.418
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	10	68.852.607.043	63.551.181.422
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.404.718.301	(24.039.965)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.987.651.130)	(2.750.991.188)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		432.584.712.257	349.053.230.687
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(15.478.010.549)	23.377.187.182
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(3.894.828.059)	202.549.099
11	Tăng các khoản phải trả		42.597.578.603	14.438.803.061
12	Tăng chi phí trả trước		(1.672.402.098)	(1.549.771.794)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	13	(73.119.421.928)	(78.801.875.309)
			(5.984.189.658)	(3.235.275.101)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		375.033.438.568	303.484.847.825
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(68.784.636.458)	(157.553.389.227)
23	Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(166.754.225.344)
24	Thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		10.000.000.000	123.727.147.566
27	Lãi tiền gửi nhận được		5.761.482.185	2.162.229.176
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(53.023.154.273)	(198.418.237.829)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp	16.1	9.721.600.000	15.190.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	16.1	(21.000.000)	(364.200.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(76.947.284.000)	(77.736.456.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(67.246.684.000)	(62.910.656.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

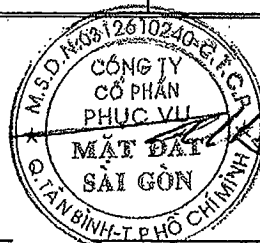
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		254.763.600.295	42.155.953.996
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		170.008.044.784	127.817.498.015
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(971.458.230)	34.592.773
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	423.800.186.849	170.008.044.784



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNDKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần hai ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh sau đó (lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017).

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.048 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.789).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có một chi nhánh và một công ty con, như sau:

Chi nhánh

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Công ty con

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh ("SAGS-CXR") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNDKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các Giấy CNDKDN điều chỉnh sau đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tại Cảng Hàng Không Quốc tế Cam Ranh, Phường Cam Nghĩa, Thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Vào ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ("Thông tư 202"), thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007. Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 202 cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên băng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi các cổ đông Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 30 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	4 - 6 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dùng để phản ánh chi phí mua sắm tài sản cố định và tình hình quyết toán chi phí mua sắm tài sản cố định trong trường hợp phải qua lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng (kể cả mua tài sản cố định mới hoặc đã qua sử dụng); phản ánh chi phí đầu tư xây dựng cơ bản và tình hình quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản; và phản ánh chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và tình hình quyết toán sửa chữa lớn tài sản cố định.

3.8 Thuế tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuế tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuế theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và chi nhánh) và theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh); và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (cho Công ty và chi nhánh) và theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (cho Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh).

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của người lao động của Nhóm Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, F,C, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý, Hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm).

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất GTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, như doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay Quốc nội chịu thuế suất 10%; doanh thu đào tạo không chịu thuế.

Tại chi nhánh Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh, thuế GTGT được kê khai và nộp riêng tại từng Chi nhánh và công ty con.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh được nộp tại Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	6.242.000	104.812.000
Tiền gửi ngân hàng	263.793.944.849	109.903.232.784
Các khoản tương đương tiền (*)	160.000.000.000	60.000.000.000
TỔNG CỘNG	423.800.186.849	170.008.044.784

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,5%/năm (năm 2017: từ 4,2%/năm đến 5,1%/năm).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện số dư tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng đến 1 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6%/năm đối với tiền gửi bằng VND.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	195.360.408.643	172.098.134.716
Bên liên quan (Thuyết minh số 23)	200.261.100	-
Phải thu ngắn hạn các bên khác	195.160.147.543	172.098.134.716
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	84.540.160.674	63.514.242.145
Qatar Airways	13.682.246.344	9.619.222.183
Air Asia Berhart	9.372.908.338	10.849.228.148
Asiana Airlines Inc	9.216.186.310	8.906.973.856
DHT Aviation	7.289.109.239	8.383.340.156
Thai Air Asia	5.674.581.940	4.144.926.351
Emirates Airline	4.770.589.950	5.169.187.556
Turkish Airlines	4.417.559.395	3.524.822.280
Scoot Tiger Air Pte. Ltd	3.925.743.202	1.971.783.938
Jetstar Asia Airways Pte Ltd	3.921.826.684	4.178.682.209
T'way Air., Ltd	3.244.180.116	3.033.501.037
Jin Air	2.856.532.625	2.182.724.910
Nok Airlines Public Company Limited	2.505.754.379	1.227.364.002
Air Hongkong	2.483.763.500	2.224.380.400
Jetstar Airways Pty Ltd	1.666.221.481	6.829.532.689
Air Busan	1.597.817.630	1.480.692.864
Bangkok Airways	1.590.465.653	-
Hainan Airlines Holding Company Limited	2.179.039.818	1.456.585.812
Malindo Air	1.323.357.712	3.842.670.415
Vietsky Support Company Limited	1.137.828.896	2.954.336.761
Công Ty TNHH TNT	1.086.531.700	3.160.413.719
Hong Kong Dragon Airlines Ltd	1.013.483.576	753.671.246
Công ty Cổ phần Hàng không Jetstar	-	-
Pacific Airlines	535.839.315	1.818.481.555
Thai Lion Mentari Company Limited	-	1.192.623.360
Khác	25.128.419.066	19.678.747.124
Dài hạn	5.508.337.650	-
Công ty Cổ phần Air Mekong (*)	5.508.337.650	-
TỔNG CỘNG	200.868.746.293	172.098.134.716
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	(5.508.337.650)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	195.360.408.643	172.098.134.716



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Công ty Cổ phần Avintech	2.510.158.600	-
Công ty TNHH Cơ khí lắp máy Tho	1.116.900.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	519.750.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Việt Sinh Phát	-	488.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention	-	283.113.600
Khác	74.519.000	287.697.982
TỔNG CỘNG	4.221.327.600	1.058.811.582

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Ngắn hạn	1.791.242.281	1.641.552.553
Lãi dự thu	905.014.290	678.845.345
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	503.385.141	479.243.779
Phải thu lại của nhân viên	100.360.056	77.499.549
Tạm ứng nhân viên	71.000.000	21.720.000
Ký cược, ký quỹ	85.000.000	356.000.000
Các khoản khác	126.482.794	28.243.880
Dài hạn	20.856.000.000	-
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	20.600.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	256.000.000	-
TỔNG CỘNG	22.647.242.281	1.641.552.553
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(20.600.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	2.047.242.281	1.641.552.553

(*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã thực hiện xóa sổ khoản nợ phải thu khó đòi với Công ty Cổ phần Air Mekong (Thuyết minh số 6.1) và Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Nghị Quyết HĐQT số 190a/NQ-HĐQT. Tuy nhiên, theo Biên bản thanh tra của Bộ Tài Chính ngày 29 tháng 8 năm 2018, Đoàn thanh tra đã kiến nghị khôi phục nguyên trạng các khoản nợ phải thu khó đòi nêu trên do hồ sơ xóa nợ chưa đầy đủ theo quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2018, Công ty đã thực hiện việc hoàn nhập đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xóa nêu trên và đã thông báo trước Hội đồng quản trị theo Biên bản Hội đồng quản trị số 312a/BB-HĐQT.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
		Số đầu năm
Nguyên vật liệu	6.005.364.090	5.260.738.471
Công cụ, dụng cụ	2.856.482.440	135.930.000
Khác	429.650.000	-
TỔNG CỘNG	9.291.496.530	5.396.668.471

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
		Số đầu năm
Ngắn hạn	898.092.295	712.207.128
Phần mềm mail server và license	357.350.883	62.722.494
Phí cước Metrowan	269.807.254	270.375.748
Chi phí dịch vụ vô tuyến điện tử	46.451.142	5.794.192
Phần mềm ảo hóa sao lưu dữ liệu	-	242.107.500
Tiền thuê mặt bằng	-	126.482.194
Khác	224.483.016	4.725.000
Dài hạn	3.356.544.954	1.870.028.023
Chi phí sửa chữa và cải tạo	2.181.075.498	214.367.108
Bản quyền phần mềm Kaspersky, công nghệ	631.592.602	996.433.769
Đường truyền cáp quang	174.309.624	364.465.584
Chi phí tần số vô tuyến điện	127.552.234	242.941.566
Chi phí lắp đặt thiết bị mạng tại SAGS - CXR	122.437.500	-
Chi phí thi công cáp quang tại SAGS - CXR	93.667.500	-
Dịch vụ hỗ trợ trọn gói 3 năm thiết bị cisco	25.909.996	51.819.996
TỔNG CỘNG	4.254.637.249	2.582.235.151

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	28.579.661.612	12.201.310.351	473.594.351.525	13.481.353.523	527.856.677.011
Mua mới trong năm	-	911.860.000	60.741.699.458	4.056.797.000	65.710.356.458
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	5.563.530.910	-	5.563.530.910
Giảm khác	(7.318.858)	-	-	-	(7.318.858)
Số cuối năm	<u>28.572.342.754</u>	<u>13.113.170.351</u>	<u>539.899.581.893</u>	<u>17.538.150.523</u>	<u>599.123.245.521</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	(2.860.547.366)	(7.195.285.972)	(200.403.145.827)	(10.529.116.275)	(220.988.095.440)
Khấu hao trong năm	(1.153.395.234)	(1.301.948.070)	(65.247.228.393)	(1.150.035.346)	(68.852.607.043)
Số cuối năm	<u>(4.013.942.600)</u>	<u>(8.497.234.042)</u>	<u>(265.650.374.220)</u>	<u>(11.679.151.621)</u>	<u>(289.840.702.483)</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>25.719.114.246</u>	<u>5.006.024.379</u>	<u>273.191.205.698</u>	<u>2.952.237.248</u>	<u>306.868.581.571</u>
Số cuối năm	<u>24.558.400.154</u>	<u>4.615.936.309</u>	<u>274.249.207.673</u>	<u>5.858.998.902</u>	<u>309.282.543.038</u>

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 128.926.128.560 VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là nguyên giá của các trang thiết bị Nhóm Công ty đã mua trong tháng 12 năm 2018 đang chờ cấp phép sử dụng.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 23</i>)	41.150.178.074	35.086.875.301
Phải trả cho các bên khác	24.633.347.185	14.737.609.535
<i>Công ty Cổ phần Kỹ nghệ và Dịch vụ Hàng không</i>	6.495.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác</i>		
<i>Nhà Ga Quốc Tế Đà Nẵng</i>	3.174.383.211	2.316.202.241
<i>Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học và</i>		
<i>Công nghệ Mitec</i>	2.431.598.400	-
<i>Công ty Cổ phần Avintech</i>	2.130.920.000	-
<i>Công ty TNHH Đức Thuận</i>	1.380.500.000	16.777.200
<i>Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật</i>		
<i>Hàng không Việt Nam</i>	-	2.358.720.000
<i>Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải -</i>		
<i>Chi nhánh An Sương</i>	-	1.122.360.000
<i>Khác</i>	9.020.945.574	8.923.550.094
TỔNG CỘNG	65.783.525.259	49.824.484.836

13. THUẾ

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế TNDN tại CN Cam Ranh	182.608.301	-	(182.608.301)	-
Thuế TNCN tại VP Hồ Chí Minh và CN Cam Ranh	2.628.988	-	(2.628.988)	-
Thuế TNCN tại SAGS-CXR	-	27.041.854	-	27.041.854
Thuế GTGT tại VP Hồ Chí Minh	39.446	-	(39.446)	-
TỔNG CỘNG	185.276.735	27.041.854	(185.276.735)	27.041.854
Phải trả				
Thuế TNDN	12.326.111.615	76.198.365.691	(73.119.421.928)	15.405.055.378
<i>Thuế TNDN tại</i>				
<i>VP Hồ Chí Minh</i>	9.448.341.856	58.302.044.091	(56.819.421.928)	10.930.964.019
<i>và CN Đà Nẵng</i>				
<i>Thuế TNDN tại</i>				
<i>SAGS-CXR</i>	2.877.769.759	17.896.321.600	(16.300.000.000)	4.474.091.359
Thuế TNCN	1.574.959.391	21.861.823.334	(21.513.320.132)	1.923.462.593
Thuế GTGT	-	44.432.872.716	(44.432.872.716)	-
Thuế khác	-	17.000.106	(17.000.106)	-
TỔNG CỘNG	13.901.071.006	142.510.061.847	(139.082.614.882)	17.328.517.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Qũy dự phòng tiền lương	48.822.679.619	-
Chi phí phải trả thuê ngoài	9.907.879.065	-
Chi phí hội nghị	800.000.000	2.057.984.489
Bồi dưỡng độc hại	792.505.000	648.111.088
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	372.000.000	393.000.000
Chi phí sử dụng Sita	-	242.460.000
Chi phí sửa chữa bộ đàm	-	224.930.000
Khác	216.175.019	168.817.883
TỔNG CỘNG	<u>60.911.238.703</u>	<u>3.735.303.460</u>

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	4.116.171.414	3.617.116.240
Tiền vé và hoa hồng bán vé thu hộ	2.002.923.277	1.703.955.745
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	1.781.843.956	1.623.963.593
Khác	331.404.181	289.196.902
Dài hạn	14.342.789.320	12.800.450.320
Nhận ký cược, ký quỹ của các hãng hàng không	14.342.789.320	12.800.450.320
TỔNG CỘNG	<u>18.458.960.734</u>	<u>16.417.566.560</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước								
Số đầu năm	200.000.000.000	6.603.680.000	(133.000.000)	7.139.777.265	-	-	138.484.031.386	352.094.488.651
Góp vốn	-	-	-	-	-	15.190.000.000	-	15.190.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	21.981.293.851	208.326.729.435	230.308.023.286
Trả cổ tức 2016 bằng cổ phiếu (*)	39.959.520.000	-	-	-	-	-	(39.959.520.000)	-
Tặng khác	-	-	-	-	9.486.000.000	-	(9.486.000.000)	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(364.200.000)	-	-	-	-	(364.200.000)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017	-	-	-	47.004.892.958	-	-	(47.004.892.958)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017	-	-	-	-	-	-	(6.790.540.806)	(6.790.540.806)
Cổ tức còn lại năm 2016 (**)	-	-	-	-	-	-	(29.977.480.000)	(29.977.480.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2016	-	-	-	-	-	-	(12.897.658.840)	(12.897.658.840)
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2017	-	-	-	-	-	-	(3.412.500.000)	(3.412.500.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2017 (**)	-	-	-	-	-	-	(47.758.976.000)	(47.758.976.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2017	-	-	-	-	-	-	(2.191.103.600)	(2.191.103.600)
Số cuối năm	239.959.520.000	6.603.680.000	(497.200.000)	54.144.670.223	9.486.000.000	37.171.293.851	147.332.088.617	494.200.052.691

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Bất thường 2017 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 6 năm 2017, các cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2016 bằng tiền mặt tại mức 15% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông và trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng cổ phiếu phát hành là 3.995.952 cổ phiếu tại mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Công ty đã hoàn tất việc chi trả và phát hành cổ phiếu trên vào ngày 11 tháng 7 năm 2017. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng lên thành 239.959.520.000 VND và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKDN điều chỉnh lần thứ 5 ngày 27 tháng 7 năm 2017.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 230/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2017, Công ty đã thông qua kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt tại mức 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

	VND							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm nay								
Số đầu năm	239.959.520.000	6.603.680.000	(497.200.000)	54.144.670.223	9.486.000.000	37.171.293.851	147.332.088.617	494.200.052.691
Góp vốn	-	-	-	-	-	9.721.600.000	-	9.721.600.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	29.757.514.336	263.169.133.976	292.926.648.312
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(21.000.000)	-	-	-	-	(21.000.000)
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("SAGS")	-	-	-	68.735.249.489	-	-	(68.735.249.489)	-
Trích quỹ theo NQĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 của SAGS - CXR	-	-	-	11.214.945.842	-	(5.495.323.463)	(5.719.622.379)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 của SAGS	-	-	-	-	-	-	(8.223.328.141)	(8.223.328.141)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo NQĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 của SAGS-CXR	-	-	-	-	-	(1.099.064.692)	(1.143.924.476)	(2.242.989.168)
Cổ tức còn lại năm 2017 của SAGS - CXR	-	-	-	-	-	(4.860.800.000)	-	(4.860.800.000)
Cổ tức còn lại năm 2017	-	-	-	-	-	-	(72.086.484.000)	(72.086.484.000)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2017	-	-	-	-	-	(651.700.000)	(5.153.890.784)	(5.805.590.784)
Thường Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều Hành năm 2018	-	-	-	-	-	-	(2.386.582.547)	(2.386.582.547)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2018 của SAGS	-	-	-	-	-	-	(5.019.122.907)	(5.019.122.907)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2018 của SAGS-CXR	-	-	-	-	-	(447.195.070)	(465.447.930)	(912.643.000)
Khác	-	-	-	-	-	-	7.780.000	7.780.000
Số cuối năm	239.959.520.000	6.603.680.000	(518.200.000)	134.094.865.554	9.486.000.000	64.096.324.962	241.575.349.940	695.297.540.456

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Năm nay		Năm trước	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP	48,01%	115.200.370.000	48,01%	115.200.370.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (*)	14,96%	35.908.790.000	14,96%	35.905.060.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Cảng Khác	12,79%	30.686.940.000	12,79%	30.686.940.000
Khác	24,11%	57.850.420.000	24,12%	57.869.150.000
Cổ phiếu quỹ	0,13%	313.000.000	0,12%	298.000.000
TỔNG CỘNG		239.959.520.000		239.959.520.000

(*) Vào ngày 20 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã hoàn thành đăng ký thay đổi thông tin thành viên lưu ký thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI.

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	239.959.520.000	200.000.000.000
Tăng trong năm	-	39.959.520.000
Số cuối năm	239.959.520.000	239.959.520.000
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền cho cổ đông của Công ty mẹ	72.086.484.000	77.728.676.000
Cổ tức đã trả bằng tiền cho cổ đông không kiểm soát	4.860.800.000	-

16.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	23.995.952	23.995.952
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	31.300	29.800
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	23.964.652	23.966.152

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

16.5 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	263.169.133.976	208.326.729.435
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	(38.094.619)
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(5.019.122.907)</u>	<u>(10.414.431.741)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	258.150.011.069	197.874.203.075
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	23.965.156	23.977.936
Lãi trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)		
Lãi cơ bản	10.772	8.252
Lãi suy giảm	10.772	8.252

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh giảm cho các khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ hàng không	1.245.776.445.214	1.082.912.352.858
Phục vụ Mặt đất	1.194.093.346.920	1.014.038.191.184
Dịch vụ kéo đẩy	44.048.521.806	47.901.896.406
Dịch vụ xe chờ khách	5.906.239.289	16.625.906.400
Dịch vụ quầy thủ tục	1.728.337.199	4.346.358.868
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	30.789.208.888	23.037.541.017
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng	9.796.521.033	7.248.926.330
Dịch vụ hành lý, hàng hóa	4.306.880.971	3.216.438.887
Dịch vụ VIP	5.781.226.848	2.335.199.043
Dịch vụ giặt ủi	2.488.117.276	2.540.328.392
Dịch vụ đào tạo	1.342.979.779	2.690.240.380
Khác	7.073.482.981	5.006.407.985
TỔNG CỘNG	<u>1.276.565.654.102</u>	<u>1.105.949.893.875</u>
Trong đó:		
Doanh thu từ bên liên quan	8.935.865.721	9.241.259.712
Doanh thu từ bên khác	1.267.629.788.381	1.096.708.634.163

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. DOANH THU (tiếp theo)

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5.987.651.130	2.750.991.188
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	5.700.463.081	1.538.493.652
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	38.094.619
TỔNG CỘNG	11.688.114.211	4.327.579.459

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong năm	328.872.695	1.124.211.109
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.404.718.301	14.054.654
TỔNG CỘNG	2.733.590.996	1.138.265.763

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.869.817.025	2.114.831.183
Chi phí nhân viên	50.654.737.880	44.296.063.020
Chi phí khấu hao	876.016.351	1.302.431.607
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.403.338.981	33.479.453.310
Chi phí nhượng quyền khai thác	18.688.497.221	16.240.489.354
Khác	2.162.345.986	1.740.133.253
TỔNG CỘNG	101.654.753.444	99.173.401.727

20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	138.622.832	326.674.697
Phạt vi phạm hợp đồng	42.556.000	137.493.357
Khác	96.066.832	189.181.340
Chi phí khác	281.626.278	15.016.745
Khác	281.626.278	15.016.745
(LỖ) LỢI NHUẬN THUẬN KHÁC	(143.003.446)	311.657.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	34.403.251.094	27.995.921.736
Chi phí nhân viên	477.893.231.370	398.240.796.011
Chi phí khấu hao	68.852.607.043	63.551.181.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.062.203.114	313.405.263.329
Chi phí nhượng quyền khai thác	18.688.497.221	16.240.489.354
Chi phí bằng tiền khác	2.162.345.986	1.740.133.253
TỔNG CỘNG	<u>918.062.135.828</u>	<u>821.173.785.105</u>

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế (2017: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	76.198.365.692	58.070.560.928
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(1.809.975.961)</u>	<u>(101.503.796)</u>
TỔNG CỘNG	<u>74.388.389.731</u>	<u>57.969.057.132</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>367.315.038.043</u>	<u>288.277.080.418</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	73.463.007.610	57.655.416.085
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	489.916.007	317.695.208
Liên quan đến lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	435.582.010	(4.054.161)
Thu nhập không chịu thuế	<u>(115.896)</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>74.388.389.731</u>	<u>57.969.057.132</u>

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN hiện hành và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>367.315.038.043</u>	<u>288.277.080.418</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	73.463.007.610	57.655.416.085
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Liên quan đến chi phí không được trừ	489.916.007	317.695.208
Liên quan đến chi phí Sita	(48.492.000)	(120.000.000)
Liên quan đến chi phí hội nghị	(105.486.112)	(24.423.173)
Liên quan đến chi phí trích trước phải trả nhà ga quốc tế CRTG T7-12/2018	1.981.575.813	-
Liên quan đến chi phí bồi dưỡng độc hại	28.878.783	129.622.217
Liên quan đến chi phí trích trước khác	(46.500.523)	116.304.752
Liên quan đến thu nhập không chịu thuế	(115.896)	-
Liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	435.582.010	(4.054.161)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>76.198.365.692</u>	<u>58.070.560.928</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

22.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trích trước chi phí Sita	-	48.492.000	(48.492.000)	(120.000.000)
Trích trước chi phí hội nghị	306.110.786	411.596.898	(105.486.112)	(24.423.173)
Chi phí bồi dưỡng độc hại	158.501.000	129.622.217	28.878.783	129.622.217
Chi phí sửa chữa bộ đàm	-	44.986.000	(44.986.000)	44.986.000
Chi phí trích trước phải trả nhà ga quốc tế CRTG T7-12/2018	1.981.575.813	-	1.981.575.813	-
Dự phòng cho Transero Airline	585.273.262	585.273.262	-	-
Chi phí trích trước khác	69.804.230	71.318.753	(1.514.523)	71.318.752
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	3.101.265.091	1.291.289.130		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			1.809.975.961	101.503.796

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	VND	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập Hội đồng Quản trị (*)	1.897.568.620	3.869.300.016
Thu nhập Ban Kiểm soát (**)	1.124.668.532	1.445.825.875
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng	16.221.332.389	22.507.449.401
TỔNG CỘNG	19.243.569.541	27.822.575.292

(*) Hội đồng quản trị gồm năm (5) thành viên, trong đó có một thành viên chuyên trách.

(**) Ban Kiểm soát gồm ba (3) thành viên, trong đó có một thành viên chuyên trách.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên có liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn</i>				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ Sử dụng dịch vụ Mua tài sản cố định	8.931.350.812 20.243.864.164 -	9.215.191.512 24.276.985.351 2.237.173.925
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	132.236.530.949	133.433.325.246
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ Cung cấp dịch vụ	19.565.695.954 4.514.909	24.876.990.680 -
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh</i>				
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	16.980.239.443	15.156.171.443
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	22.319.813.276	33.514.661.158

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>VND</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn</i>					
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	200.261.100	-	
<i>Phải trả ngắn hạn người bán</i>					
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn</i>					
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	6.082.775.351	4.411.225.733	
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	24.254.978.990	23.077.115.926	
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	3.830.901.207	3.230.205.449	
			<u>34.168.655.548</u>	<u>30.718.547.108</u>	
<i>Bên liên quan của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh</i>					
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP (ACV)	Công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	4.840.035.467	1.347.671.393	
Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh - Chi nhánh Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	2.141.487.059	3.020.656.800	
			<u>6.981.522.526</u>	<u>4.368.328.193</u>	
TỔNG CỘNG			<u>41.150.178.074</u>	<u>35.086.875.301</u>	

Các bên liên quan khác là cá nhân không phát sinh giao dịch cũng như không phát sinh công nợ trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Văn phòng Hồ Chí Minh	CN Đà Nẵng	CN Cam Ranh	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Tổng cộng
<i>VND</i>					
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017:					
Doanh thu	721.651.454.565	190.368.753.624	-	193.929.685.686	1.105.949.893.875
Chi phí	(550.294.453.692)	(141.755.357.052)	(10.890.877)	(129.113.083.484)	(821.173.785.105)
Lợi nhuận bộ phận	171.357.000.873	48.613.396.572	(10.890.877)	64.816.602.202	284.776.108.770
Doanh thu hoạt động tài chính	3.070.860.463	86.747.323	29.855.721	1.140.115.952	4.327.579.459
Chi phí tài chính	(1.048.533.776)	(54.288.663)	(15.313.924)	(20.129.400)	(1.138.265.763)
Thu nhập khác	185.781.134	171.662	185.940	140.535.961	326.674.697
Chi phí khác	(845.269)	(57.945)	(112.736)	(14.000.795)	(15.016.745)
Tổng lợi nhuận trước thuế	173.564.263.425	48.645.968.949	3.724.124	66.063.123.920	288.277.080.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(36.873.398.469)	(9.718.647.874)	(744.825)	(11.477.769.759)	(58.070.560.928)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(18.935.816)	3.399.940	-	117.039.672	101.503.796
Lợi nhuận sau thuế TNDN	136.671.929.140	38.930.721.015	2.979.299	54.702.393.833	230.308.023.286
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:					
Tài sản bộ phận	564.036.268.197	40.129.839.845	(18.540.055.392)	112.465.794.619	698.091.847.269
Nợ phải trả bộ phận	145.677.226.613	25.774.825.905	-	32.439.742.060	203.891.794.578

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	Văn phòng Hồ Chí Minh	CN Đà Nẵng	CN Cam Ranh	CTCP Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018:					
Doanh thu	782.336.402.674	254.076.339.351	-	240.152.912.077	1.276.565.654.102
Chi phí	(582.597.337.061)	(181.647.586.632)	(380.447)	(153.816.831.688)	(918.062.135.828)
Lợi nhuận bộ phận	199.739.065.613	72.428.752.719	(380.447)	86.336.080.389	358.503.518.274
Doanh thu hoạt động tài chính	7.525.596.926	369.792.637	959.925	3.791.764.723	11.688.114.211
Chi phí tài chính	(1.103.389.979)	(113.872.937)	-	(1.516.328.080)	(2.733.590.996)
Thu nhập khác	119.749.445	3.788.670	-	15.084.717	138.622.832
Chi phí khác	(69.367.397)	(3.372.809)	-	(208.886.072)	(281.626.278)
Tổng lợi nhuận trước thuế	206.211.654.608	72.685.088.280	579.478	88.417.715.677	367.315.038.043
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(43.743.757.000)	(14.558.287.092)	-	(17.896.321.600)	(76.198.365.692)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(254.140.294)	49.114	-	2.064.067.141	1.809.975.961
Lợi nhuận sau thuế TNDN	162.213.757.314	58.126.850.302	579.478	72.585.461.218	292.926.648.312
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018:					
Tài sản bộ phận	726.100.085.278	42.823.750.430	-	194.754.217.612	963.678.053.320
Nợ phải trả bộ phận	168.940.359.472	36.770.485.629	-	62.669.667.763	268.380.512.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê trang thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động với Tổng Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam theo Hợp đồng số 34/ACV-SAGS, Hợp đồng số 35/HĐ/ACV-SAGS và Hợp đồng số 23/HĐ/ACV-SAGS-CXR và các phụ lục đính kèm hợp đồng. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	<u>33.850.546.995</u>	<u>37.144.783.541</u>

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

26.1 Ngoại tệ các loại

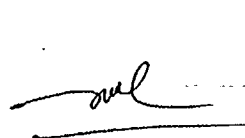
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ngày 1 tháng 1 năm 2018	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	<u>217.844.344.325</u>	<u>9.410.122,87</u>	<u>77.896.488.448</u>	<u>3.436.104</u>

26.2 Nợ khó đòi đã xử lý


	VND	
Đối tượng	Giá trị	Nguyên nhân xóa nợ
Transaero Airline	<u>2.926.366.316</u>	Hãng ngưng khai thác từ lâu, không có khả năng thu hồi

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

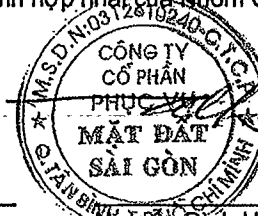
Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Đặng Thị Minh Nguyệt
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2019